TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H, TP.H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:462/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 701/2019/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa:

Người yêu cầu: **Chị Vũ Thị T** – sinh năm 1982

Và **Anh Trịnh Minh C** – sinh năm 1978

Cùng HKTT và trú tại: Số 36 ngõ 41 Phố V, phường Đ, quận H, TP.H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 149 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vũ Thị T – sinh năm 1982

Anh Trịnh Minh C – sinh năm 1978

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Vũ Thị T và anh Trịnh Minh C cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung:

Trịnh Mai A, sinh ngày 18/02/2012.

Hiện tại sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt.

Khi ly hôn giao chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung kể từ khi có quyết định ly hôn cho tới khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi dưỡng: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Hai bên xác nhận và không yêu cầu giải quyết.

2.6. Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn chị T đã nộp tại biên lai số AA/2017/000xxx ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Đ, quận H, TP.H
(Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyển số 01/2011 ngày 24/01/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY